

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2021/DS-ST**
Ngày: 29/4/2021
V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
dân sự góp hui*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Ý, kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2020/TLST - DS ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Trịnh Quan H, sinh năm: 1990 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Ấp NB, xã ĐHB, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn:* Chị Phạm Thị K, sinh năm: 1978 (*Có mặt*).

Anh Lê Trung L, sinh năm: 1979 (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp 11A, xã ĐHB, huyện An Minh, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo nội dung khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trịnh Quan H trình bày và yêu cầu như sau:*

Ngày 10/12/2012 âm lịch, anh có tham gia góp 01 phần hui trong dây hui do bà Phạm Thị K làm chủ, hui 2.000.000đồng/phần, 01 tháng xổ hui 02 lần, dây hui gồm 26 phần. Trong quá trình góp hui, anh H đã góp được cho bà K 18 lần hui với số tiền là 36.000.000 đồng thì bà K ngưng hui không tổ chức góp hui nữa.

Sau đó, giữa anh và bà K có thương lượng và bà K có hứa trả cho anh nên anh chờ đợi bà K trả nợ nhưng đến nay bà K không trả. Do đó, anh khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà K, ông L trả cho anh số tiền hui là 36.000.000 đồng. Ngoài ra anh không yêu cầu gì thêm.

** Trong quá trình giải quyết, bị đơn bà Phạm Thị K và ông Lê Trung L trình bày và yêu cầu như sau:*

Ông bà thừa nhận năm 2012, bà K có tổ chức chơi hui tại địa phương, anh H có tham gia 01 phần trong dây hui do bà K làm chủ và anh H có đóng được cho bà K 18 lần hui (hui sống) với số tiền là 25.400.000 đồng thì bà K ngưng hui không tổ chức nữa. Giữa bà K và anh H có thỏa thuận và bà K thống nhất trả cho anh H bằng số tiền hui chết là 36.000.000 đồng và bà K xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng anh H yêu cầu trả 01 lần.

Nay, bà K và ông L đồng ý trả cho anh H số tiền 36.000.000 đồng nhưng do không có khả năng trả 01 lần nên xin trả dần cho anh H mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bắt đầu trả vào ngày 01/6/2021.

Tại phiên tòa:

- Anh H: Yêu cầu vợ chồng bà K và ông L phải trả cho anh 01 lần số tiền hui là 36.000.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu đồng*).

- Ông L: Vắng mặt.

- Bà K: Do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần số tiền hui còn nợ mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Thời gian bắt đầu trả từ cuối tháng 7/2021 cho đến khi hết nợ.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định;

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 20; Điều 30; Điều 31 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 quy định về họ, hui, biên, phường; Điều 471 Bộ Luật dân sự năm 2015. Yêu cầu của anh H là có cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (*gọi tắt là HĐXX*) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (*anh Trịnh Quan H*) về việc buộc bị đơn (*ông Lê Trung L, bà Phạm Thị K cùng cư trú tại ấp 11A, xã ĐHB*) thực hiện nghĩa vụ trả tiền hui mà bị đơn còn nợ nguyên đơn là thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hui*”.

[2] *Về nội dung trong vụ án:* Vào năm 2012, anh H có tham gia 01 phần hui trong dây hui áp ngày 10/12/2012 âm lịch do bà K làm chủ. Hui 01 tháng xỏ 02 lần, dây hui có 26 phần và mỗi phần hui là 2.000.000 đồng. Trong quá trình tham gia góp hui, anh H góp được 18 lần thì bà K ngưng hui không góp nữa. Giữa anh H và bà K có thương lượng là bà K đồng ý trả cho anh H bằng số tiền hui chết là 36.000.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn nên bà K xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng nhưng đến nay chưa trả được nên anh H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà K, ông L trả cho anh 01 lần số tiền hui còn nợ là 36.000.000 đồng. Ngoài ra, anh H không yêu cầu gì thêm.

2.1 Xét yêu cầu của anh H về việc yêu cầu ông L, bà K trả cho anh số tiền hui còn nợ, đối với yêu cầu của anh H đã được ông L, bà K thống nhất và thừa nhận sự việc là ông L, bà K còn nợ anh H số tiền hui là 36.000.000 đồng đến nay chưa trả. Đây thuộc trường hợp đương sự thừa nhận hoặc không phản đối theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên anh H không phải chứng minh cho yêu cầu của mình về việc ông L, bà K còn nợ số tiền 36.000.000 đồng.

2.2 Xét lời khai nại của ông L, bà K về việc xin trả dần số nợ nói trên cho anh H. HĐXX xét thấy, cách thức và thời gian trả dần của vợ chồng ông L, bà K là kéo dài thêm thời gian làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh H và tại phiên tòa anh H cũng không đồng ý theo cách trả dần của vợ chồng ông L, bà K. Đồng thời, Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án nên yêu cầu này của ông L, bà K HĐXX không có cơ sở xem xét yêu cầu này.

Từ những cơ sở nêu trên, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Buộc ông L, bà K có nghĩa vụ trả cho anh H số tiền hui còn nợ là 36.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

- Ông L, bà K phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho anh H (36.000.000 đồng x 5%) là 1.800.000 đồng.

- Yêu cầu của anh H được chấp nhận nên hoàn trả lại cho anh H tiền tạm ứng án phí là 900.000 đồng mà anh đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 20, Điều 22 và Điều 31 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 quy định về họ, hui, biểu, phường.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc bà Phạm Thị K và ông Lê Trung L trả cho anh Trịnh Quan H số tiền 36.000.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu đồng*) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bị đơn không trả đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án cho nguyên đơn theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc bà Phạm Thị K và ông Lê Trung L phải chịu án phí là 1.800.000 đồng (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*).

- Hoàn trả lại cho anh Trịnh Quan H số tiền tạm ứng án phí 900.000 đồng (*Chín trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0006182 ngày 24/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Anh H và bà K có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*Ngày 29/4/2021*).

Ông L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*).

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh